

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T1  
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HS-ST  
Ngày 13/5/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đồng Ngọc Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Tiến.

Ông Tạ Văn Thuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T tham gia phiên tòa:** bà Mai Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2020/HSST ngày 22 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định xét xử số 21/2020/QĐXXST-HS ngày 29/4/2020 đối với:

Bị cáo Mai Văn H, sinh năm 1992. Nơi sinh: Xã NT, huyện T1, tỉnh T; nơi cư trú: Thôn TT, xã NT, huyện T1, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Xuân H1 và bà Phạm Thị X (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Th và 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2020; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 10/11/2019 bị Chủ tịch UBND xã NT ra quyết định số 393 áp dụng biện pháp giáo dục tại xã từ ngày 10/11/2019 đến ngày 10/02/2020; bị bắt tạm giữ từ ngày 09/01/2020 đến nay, bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:**

Ông Trần Văn Q, sinh năm 1959 và anh Trần Phi H2, sinh năm 1991 đều trú tại thôn TT, xã NT, huyện T1, tỉnh T (ông Q, anh H2 đều vắng mặt).

**- Người làm chứng:**

Anh Trần Văn D, sinh năm 1986; trú tại thôn HC, xã NT, huyện T1, tỉnh T.

Ông Mai Xuân H1, sinh năm 1952; anh Trần Văn K, sinh năm 1975; chị Đặng Thị Th1, sinh năm 1985, cùng trú tại thôn TT, xã NT, huyện T1, tỉnh T (ông H2, anh D, anh K có mặt, chị Th1 vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ ngày 30/9/2019, H đi bộ quanh thôn TT thì phát hiện nhà ông Trần Văn Q có cổng và cửa khóa nhưng không có ai ở nhà. H trèo qua tường dậu vào nhà và lấy 01 con dao phay dài 40cm, cán bằng gỗ tại khu vực giếng rồi dùng dao cạy khóa cửa chính nhưng không được. Thấy cửa ngách có khóa nhưng tay nắm then cửa lỏng lẻo không chắc, H dùng tay vặn mạnh làm tay nắm đâm cửa bung ra rồi đi vào trong phòng ngủ thấy có 01 chiếc tủ bằng nhôm kính màu nâu, 02 cánh cửa đều khóa, H cạy tủ và lục trong áo, ví, sổ ghi chép được tổng số tiền là 4.400.000 đồng sau đó tiếp tục lấy 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng để trên bàn thờ nhà ông Q. Tổng số tiền H chiếm đoạt được là 4.500.000 đồng.

Ngày 09/01/2020, H đến Công an huyện T1 tự thú, Công an huyện T1 đã khởi tố, bắt tạm giam H về hành vi phạm tội "Trộm cắp tài sản". Quá trình điều tra, H còn khai nhận thêm hành vi phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", cụ thể:

Khoảng 16 giờ ngày 27/8/2016, H gọi điện cho bạn là anh Trần Phi H2 ở cùng thôn đến chờ H đi chơi. Anh H2 đồng ý rồi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Waye S màu đen, BKS: xyx-xyz của chú ruột là anh Trần Văn K đi đến nhà H. Thấy chiếc xe H nảy sinh ý định chiếm đoạt, H nhờ H2 chở đến nhà một người bạn ở xã NT để vay tiền, khi đến khu vực cổng chào thuộc thôn VT, xã NT, H bảo H2 đứng ngoài để H mượn xe một mình đi vào vay tiền. Do tin tưởng H, anh H2 cho H mượn xe rồi đứng ngoài chờ. Lấy được xe, H điều khiển xe đi sang thành phố HP vào một hiệu cầm đồ (H không nhớ tên, địa chỉ) do một thanh niên khoảng 25 đến 30 tuổi không biết tên, địa chỉ cầm cố chiếc xe lấy 1.500.000 đồng. Anh H2 đứng chờ không thấy H quay lại đón nên gọi điện cho H nhưng không liên lạc được, anh H2 nhiều lần đến nhà đòi nhưng H nói đã cầm cố chiếc xe lấy tiền tiêu xài cá nhân nhưng không trả lại và cũng không bồi thường cho anh H2.

Trong quá trình điều tra, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

### **Lời khai của những người làm chứng:**

Anh Trần Văn D trình bày: Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 30/9/2019, anh đang ở nhà thì nhận được điện thoại của bố anh là ông Trần Văn Q, thông báo là bị mất trộm. Đến 13 giờ 30 phút, anh sang nhà ông Q kiểm tra thì thấy tay nắm cửa bị bung ra và có nhiều vết trầy xước ở ổ khóa. Sau khi trao đổi với ông Q, anh được biết ông Q bị mất 4.500.000 đồng, trong đó có 100.000 đồng trên bàn thờ và 4.400.000 đồng để trong tủ quần áo.

Anh Trần Văn K và chị Đặng Thị Th1 trình bày: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Waye S màu đen, BKS: xyx-xyz là của anh K mua, đăng ký mang tên anh. Do anh đi làm ăn nên anh để xe ở nhà, khi về không thấy xe anh hỏi chị Th1 là vợ anh thì chị Th1 nói cho cháu ruột anh là Trần Phi H2 mượn, anh điện cho H2 thì được biết H lấy xe của H2 đi đâu không rõ; anh K cùng H2 đến nhà H tìm thì bố H nói không biết H ở đâu nên anh và H2 đi về. Tại phiên tòa, anh K nêu khi H2 mượn xe, trong xe anh có cờ lê, mở lết, kim song anh không có yêu cầu gì; về việc định giá tài sản chiếc xe mô tô của anh là 5.100.000 đồng theo anh là thấp song đó là kết luận của cơ quan chuyên môn, anh không có ý kiến gì.

Ông Mai Xuân H1 trình bày: Ông là bố đẻ của Mai Văn H, khoảng chiều một ngày cuối tháng 8 năm 2016, ông đang ở nhà cùng vợ là Đỗ Thị H3 và Mai Văn H thì có Trần Phi H2 đến nhà đón H đi chơi, cả đêm hôm đó H không về nhà. Đến sáng hôm sau, H2 đến nhà hỏi H đã về chưa, ông bảo chưa về thì H2 nói chiều qua nó lấy xe của cháu đi mãi không về và xin số điện thoại của vợ H nhưng ông không có nên H2 đi về. Sau đó, H đi làm ăn xa không về địa phương, khoảng 5-7 tháng thì H có gọi điện cho ông và nói lấy chiếc xe máy của H2 và xem bồi thường tiền cho H2. Đến ngày 03/4/2020, ông và gia đình có đến gặp H2 và xin tự nguyện bồi thường 5.100.000 đồng, H2 đã nhận đủ số tiền và có đơn xin giảm trách nhiệm hình sự cho H.

Bản Kết luận định giá tài sản ngày 12/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện T1 kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Waye S màu đen- xám, trị giá chiếc xe hiện tại là 5.100.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 25/CT-VKSTH ngày 21/4/2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T quyết định truy tố Mai Văn H về các tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Mai Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 50 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Tuyên bố bị cáo Mai Văn H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 50 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội đối với bị cáo.

Ngoài ra, vị đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị xử lý về vật chứng và án phí.

Bị cáo đồng ý với tội danh, hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố, không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, không có người nào

có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Mai Văn H đều khai nhận: Khoảng 08h00' ngày 30/9/2020, lợi dụng sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản của gia đình ông Trần Văn Q ở thôn TT, xã NT, huyện T1, H đã dùng 01 con dao phay dài khoảng 40 cm cạy cửa, cạy tủ của gia đình ông Q trộm cắp 4.500.000 đồng. Ngoài ra ngày 27/8/2016 tại thôn VT, xã NT, huyện T1, Mai Văn H đã có hành vi lừa đảo anh Trần Phi H2, trú ở thôn TT, xã NT, huyện T1 để chiếm đoạt 01 xe mô tô Honda wave S, màu đen xám, BKS: 17L4- 1357 trị giá 5.100.000 đồng mang đi cầm cố lấy 1.500.000 đồng tiêu xài cá nhân.

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo H phù hợp và được chứng minh bằng: Đơn trình báo và lời khai của bị hại là ông Q và anh H2; Lời khai của những người làm chứng là anh D, anh K, chị Th1, ông H1; Sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường do Cơ quan cảnh sát điều tra-Công an huyện T1 lập ngày 09/01/2020 tại nhà ông Trần Văn Q; Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu do Công an huyện T1 lập trong các ngày 09/01/2020 và 11/3/2020; Bản Kết luận định giá tài sản ngày 12/03/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T1 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Như vậy, ngày 30/9/2020, bị cáo H đã có hành vi cạy cửa, cạy tủ, trộm cắp tài sản của ông Trần Văn Q số tiền 4.500.000 đồng; ngoài ra ngày 27/8/2016, H đã có hành vi lừa đảo anh Trần Phi H2 để chiếm đoạt 01 xe mô tô Honda wave S, màu đen xám, BKS: xyx-xyz trị giá 5.100.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành các tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T quyết định truy tố bị cáo về các tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

### **Điều 173: Tội trộm cắp tài sản quy định:**

*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.*

### **Điều 174: Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định:**

*1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo đã có hành vi lợi dụng sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản và dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể quan trọng được luật hình sự bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo còn gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong nhân dân. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra để giáo dục riêng với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với tội trộm cắp tài sản, xét thấy bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội tự thú, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, xét thấy bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung, xét thấy bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Gia đình bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong cho bị hại là anh Trần Phi H2, anh H2 không có đề nghị gì về việc bồi thường trách nhiệm dân sự nên không đặt ra giải quyết.

Đối với bị hại là ông Trần Văn Q, ông Q yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho ông tổng số tiền bị cáo trộm cắp là 4.500.000 đồng. Cần chấp nhận yêu cầu của ông Q, buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 4.500.000 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã quản lý: 01 con dao phay dài 40cm, cán bằng gỗ; 01 ví giải da màu đen phía ngoài có chữ NIKE kích thước 25x9cm của gia đình ông Trần Văn Q cần trả lại cho ông Q. 01 Giấy đăng ký xe mô tô BKS: xyz-xyz mang tên Trần Văn K cần trả lại cho anh K.

[6] Bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Mai Văn H phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" và tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

**2. Xử phạt:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 50 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Mai Văn H 12 (mười hai) tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 50 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Mai Văn H 09 (chín) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 21 (hai mươi một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 09/01/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

**3. Về trách nhiệm dân sự:**

Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Mai Văn H phải bồi thường cho ông Trần Văn Q, sinh năm 1959, trú tại thôn TT, xã NT, huyện T1, tỉnh T số tiền là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

**4. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Trả lại cho ông Trần Văn Q 01 con dao phay dài 40cm, cán bằng gỗ; 01 ví giải da màu đen phía ngoài có chữ NIKE kích thước 25x9cm. Trả lại cho anh Trần Văn K 01 Giấy đăng ký xe mô tô BKS: xyx-xyz mang tên Trần Văn K.

(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm mô tả chi tiết trong Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21/4/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T1)

**5. Về án phí:**

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Mai Văn H phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

**6. Về quyền kháng cáo:**

Bị cáo Mai Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 13/5/2020; bị hại là ông Trần Văn Q và anh Trần Phi H2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh T;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- VKSND huyện T1;
- Công an huyện T1;
- Trại tạm giam Công an tỉnh T;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đồng Ngọc Huyền**